

Bản án số: 271/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08 / 11 / 2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Phước Công;

2. Ông Ngô Văn Mừng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 732/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 481/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 435/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Hà Thanh L, sinh năm 1985; địa chỉ: hẻm S, phường B, quận Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Thanh L trình bày, thông qua mai mối, ông L và bà Nguyễn Thị Ánh T tìm hiểu được 02 năm rồi kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 15/11/2013. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có sinh con chung, tài sản chung và nợ chung.*

Cách nay khoảng 02 năm, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, mâu thuẫn về tài chính. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 08 tháng nay. Từ đó đến nay, vợ chồng không gặp mặt nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà T; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: bản sao trích lục kết hôn số 187 ngày 15/11/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chợ Mới cấp.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Ông L trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, ông L không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông L và bà T chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2018 cho đến nay do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về tài chính. Từ khi ông L gửi đơn khởi kiện, bà T không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Ông Hà Thanh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh T. Đồng thời, bà T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ánh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông L và bà T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông L xác định, cách đây khoảng 02 năm, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, mâu thuẫn về tài chính và không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Cho nên, ông L yêu cầu được ly hôn với bà T.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông L và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà T nhưng bà T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông L. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông L, bà T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh L.

1. Về hôn nhân: Ông Hà Thanh L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 187 ngày 15/11/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Hà Thanh L và bà Nguyễn Thị Ánh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Hà Thanh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013463 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 8 năm 2019; ông Hà Thanh L đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Ánh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Hà Thanh L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**